

Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (0283) 824 3586

Fax: (0283) 915 1856

Email: [info@sabibeco.com](mailto:info@sabibeco.com)

Website: [www.sabibeco.com](http://www.sabibeco.com)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

# MỤC LỤC

01

05

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

04

51

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

02

21

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

05

55

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

03

43

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

06

71

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



**SAGOTA**

# 01

## **THÔNG TIN CHUNG**

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



<b>Tên Công ty</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY
<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY
<b>Tên tiếng Anh</b>	SAIGON BINH TAY BEER GROUP JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	SABIBECO GROUP
<b>Mã cổ phiếu</b>	SBB
<b>Vốn điều lệ</b>	875.245.360.000 đồng
<b>Trụ sở chính</b>	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
<b>Số điện thoại</b>	(0283) 824 3586
<b>Fax</b>	(0283) 915 1856
<b>Email</b>	info@sabibeco.com
<b>Website</b>	www.sabibeco.com
<b>Giấy phép đăng ký kinh doanh</b>	Số 0304116373 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 10 ngày 06 tháng 07 năm 2023
<b>Mã số thuế</b>	0304116373

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**25/11/2005:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (SABIBECO) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 số 4103004075 do Sở KH & ĐT Tp. HCM cấp.



**2006:** Công ty triển khai động thổ thực hiện dự án đầu tư **Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương** với tổng công suất 120 triệu lít / năm tại địa chỉ Lô B2/47-51 KCN Tân Đông Hiệp B, Xã Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

**01/2007:** **Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương** chính thức đi vào hoạt động.



**07/01/2008:** Chi nhánh **nhà máy Bia Hoàng Quỳnh** được thành lập từ việc sáp nhập CTCP Hoàng Quỳnh vào CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây.

**01/04/2008:** **Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây** sáp nhập chính thức hoạt động, với 2 nhà máy được đặt tại Bình Tân (TP.HCM) và Dĩ An (Bình Dương) với tổng công suất 100 triệu lít/năm.



**26/04/2012:** Chính thức giới thiệu sản phẩm Bia Sagota đến người tiêu dùng Việt Nam.

**24/04/2013:** Bia Sagota được Hiệp hội Du lịch Việt Nam quyết định ban hành nhãn hiệu "**Bia của Du lịch Việt Nam**".



**10/2014:** Lô bia Sagota đầu tiên được xuất khẩu, đánh dấu sự vươn lên của Bia Sagota ra thị trường thế giới.



**2017:** **Nhà máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp** được khởi công xây dựng tại địa chỉ Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp. Công suất ban đầu của nhà máy đạt 50 triệu lít/năm và thực hiện thành công chiết mẻ bia Sagota đầu tiên.



**03/2018:** Tại địa chỉ Đường số 7, Khu công nghiệp Long Khánh, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, **Nhà máy Bia Sài Gòn Long Khánh** được khởi công xây dựng với dự kiến sẽ đạt công suất 60 triệu lít/năm khi chính thức đi vào hoạt động.



**09/07/2018:** Sau 1 năm thực hiện các thủ tục sáp nhập, **Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý** có địa chỉ tại Thôn Quang Trung, Xã Thanh Hà, Huyện Thanh Liêm, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam chính thức sáp nhập vào Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây.



**09/07/2018:** **Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận** có địa chỉ tại Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận cũng chính thức sáp nhập vào Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây.



**14/08/2018 đến nay:** Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây chính thức đổi tên thành **Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (SABIBECO GROUP)** với **5 nhà máy thành viên** đang hoạt động, tổng công suất là 510 triệu lít.



## NGÀNH NGHỀ

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
<b>1103 (Chính)</b>	<b>Sản xuất bia và mạch nha ủ bia</b>
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
4633	Bán buôn đồ uống
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

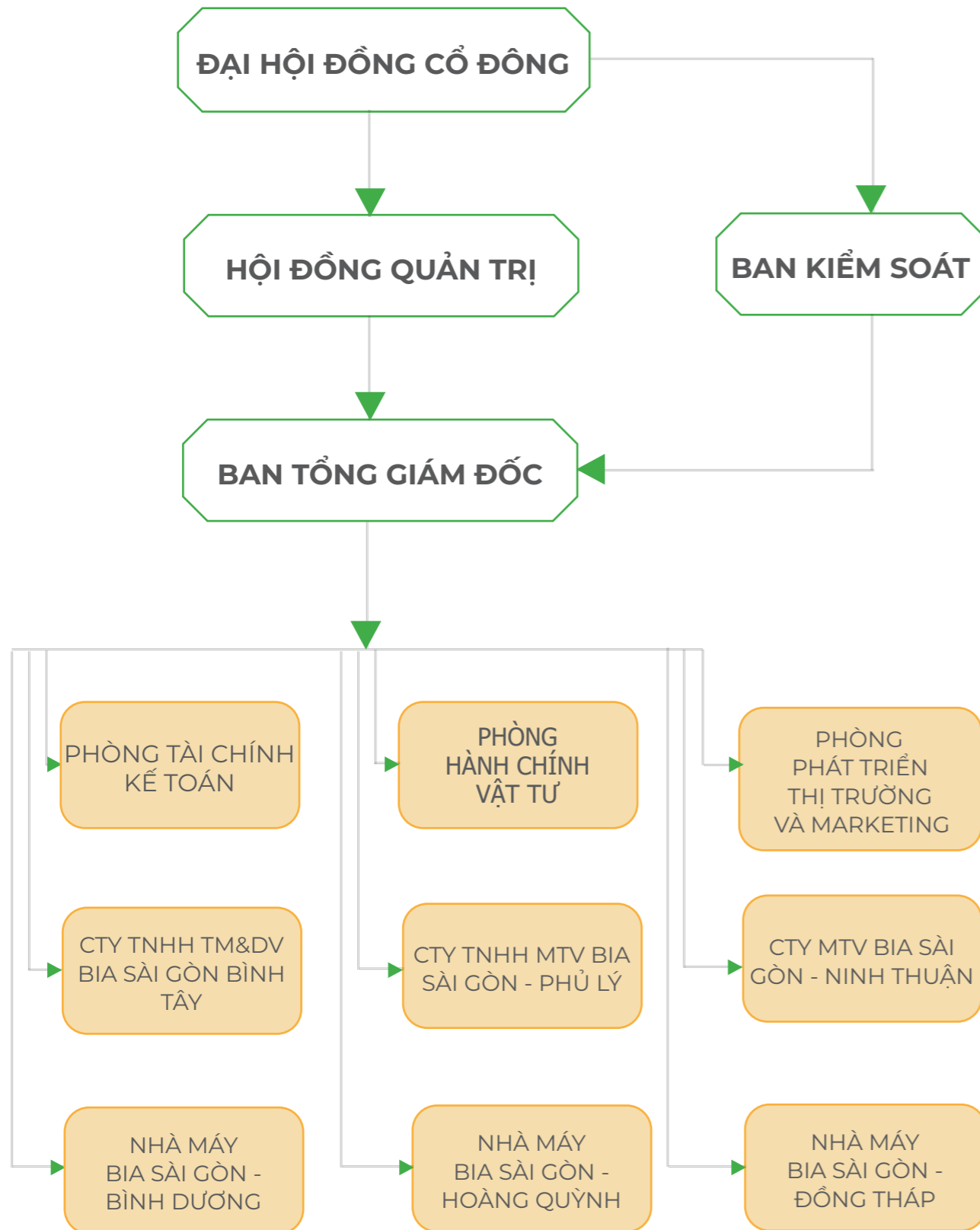
## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sagota - tên gọi mang đậm dấu ấn Sài Gòn và Việt Nam - là thương hiệu bia ra đời năm 2012, tự tin cạnh tranh với các nhãn hiệu bia ngoại tràn ngập thị trường.

Hiện nay, Sagota đã có mặt ở hàng nghìn **điểm bán trên khắp 43 tỉnh thành**, với nhiều dòng bia đa dạng và chất lượng, trong đó có 2 dòng bia được vinh danh là Bia ngon của thế giới: **Sagota Lager** và **Sagota Pure**. Ngoài ra, Sagota còn có các dòng bia khác như Sagota Không cồn, Sagota Gold, Sagota Light và Sagota Premium. Sagota không chỉ phát triển trong nước mà còn vươn xa ra thế giới. Từ tháng 10/2014 đến nay, Sagota đã xuất khẩu sang nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Malaysia, Campuchia, Thái Lan, Lào, Trung Quốc, Philippines.

Sagota là một trong những doanh nghiệp hàng đầu và uy tín của Việt Nam, với doanh thu và tốc độ tăng trưởng ấn tượng mỗi năm. Chúng tôi tự hào là thương hiệu bia 100% Việt Nam, với chuỗi nhà máy hiện đại và tiên tiến, nhằm đem đến cho người tiêu dùng những sản phẩm bia tốt nhất.

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CON

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Bán buôn đồ uống và Dịch vụ nhà hàng; ...	200.000.000.000	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Sản xuất các loại bia	193.000.000.00	100%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	Sản xuất các loại bia	164.383.000.000	100%



### CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bao Bì Sài Gòn	Sản xuất bình, ca, can, in bao bì;...	560.892.510.000	38,96%
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	Sản xuất các loại bia	198.000.000.00	20,20%

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Tiếp tục phấn đấu để giữ vững vị thế là một trong những công ty sản xuất bia và đồ uống có cồn uy tín và hàng đầu tại Việt Nam. Công ty luôn chú trọng củng cố và phát triển hệ thống phân phối cũng như nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Bên cạnh đó công ty còn đẩy mạnh việc giới thiệu sản phẩm với thị trường nước ngoài, tăng cường sản lượng xuất khẩu. Công ty cũng tập trung đầu tư phát triển công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm chi phí; đồng thời cải thiện công tác quản lý sản xuất một cách chặt chẽ hơn để đảm bảo chất lượng sản phẩm và giảm thiểu các rủi ro trong quá trình sản xuất và vận chuyển. Ngoài việc tập trung phát triển sản phẩm và các hoạt động kinh doanh trên thị trường, để phát triển bền vững doanh nghiệp cần phải xây dựng một hệ thống quản trị phù hợp. Vì vậy, Công ty không ngừng củng cố bộ máy quản lý để hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, từ đó đảm bảo công tác quản lý tài chính cũng như công tác quản trị rủi ro và giám sát chi phí của Công ty đạt hiệu quả cao hơn.



### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm Bia Sài Gòn và các sản phẩm mang thương hiệu Sagota, từ đó tăng cường uy tín thương hiệu trên thị trường.
- Giữ vững và tăng trưởng thị phần cũng như sản lượng các sản phẩm thương hiệu Sagota trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và tận dụng công suất máy móc thiết bị.
- Tăng cường xuất khẩu và giới thiệu sản phẩm ra thị trường thế giới.
- Đề cao sự gắn bó của CBCNV thông qua tạo môi trường làm việc thân thiện, hỗ trợ học tập, sáng tạo và cống hiến.
- Tham gia tích cực trong các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm và cam kết với cộng đồng.

### CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

#### Đối với môi trường

- Không ngừng hoàn thiện và cải tiến, áp dụng công nghệ mới nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường. Tại các Nhà máy sản xuất, các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, phong cách thiết kế luôn hướng tới nhà máy sản xuất xanh, sạch đẹp.
- Không sử dụng các thiết bị làm lạnh sử dụng CFC làm ảnh hưởng tới tầng Ozone.
- Hệ thống xử lý nước thải với công nghệ hiện đại, đầu tư thiết bị quan trắc nước thải tự động, đảm bảo nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn loại A theo quy định. Đảm bảo thực hiện chương trình giám sát định kỳ môi trường và đo đạc các chỉ tiêu môi trường đầy đủ theo quy định.
- Đã sử dụng hệ thống điện mặt trời tại các nhà máy trực thuộc, nhằm góp phần giữ gìn nguồn tài nguyên không tái tạo cũng như tiết giảm chi phí.
- Men thải được tái chế làm thức ăn gia súc, tiết kiệm chi phí xử lý hơn trước đây.
- Duy trì và phát triển việc sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (sử dụng lò hơi đốt bằng trấu thay cho dầu FO) nhằm tiết kiệm chi phí và hạn chế chất thải có hại ra môi trường.
- Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát môi trường, kịp thời có biện pháp xử lý nhằm bảo đảm môi trường sản xuất.

#### Đối với cộng đồng, xã hội

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây luôn tích cực trong các hoạt động xã hội, đóng góp hỗ trợ đồng bào lũ lụt Miền Trung, ủng hộ “Tết vì người nghèo” tại địa phương nơi đặt Nhà máy chi nhánh, ...



## CÁC RỦI RO

### Rủi Ro Kinh Tế

Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng. Cụ thể, cuộc chiến Nga - Ukraine (từ tháng 02/2022) tiếp tục lâm vào bế tắc trong cả năm 2023, do chưa có giải pháp đột phá từ cả hai bên nhằm giải quyết xung đột và xung đột trên dải Gaza giữa Palestine và Israel leo thang thành chiến tranh dẫn tới căng thẳng địa chính trị tiếp diễn và phức tạp hơn. Từ đây, thị trường dầu mỏ toàn cầu trở nên thiếu chắc chắn và phân mảnh hơn. Ngoài ra, thắt chặt tiền tệ vẫn tiếp diễn tại các nền kinh tế phát triển. Chính sách thắt chặt tiền tệ (đã được hầu hết các nước duy trì trong cả 3 quý đầu năm 2023 nhằm đối phó với tình trạng lạm phát cao) đã bước vào giai đoạn cuối cùng của chu kỳ tăng lãi suất trong quý IV/2023, trước bối cảnh tình hình lạm phát được dự báo đã đổi chiều.

Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp và bất thường, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế. Theo đó, trong khi lạm phát và lãi suất thế giới tiếp tục tăng và giữ ở mức cao, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành những chính sách tiền tệ linh hoạt nhưng thận trọng nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân. Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều hành tỷ giá thông qua dự trữ ngoại hối cũng như giá bán USD trong năm 2023 khá nhích nhàng cũng là một thành tựu giúp cho tỷ giá không biến động quá lớn trong một năm đầy thử thách. Tuy nhiên, theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05%, thấp hơn mục tiêu 6,5%, cao hơn tốc độ tăng của 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Trong đó, tiêu dùng tăng 3,52%, đóng góp 41,04% vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Bên cạnh đó, sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế cũng đã tác động tích cực đến hoạt động đô thị. Với những kết quả đã đạt được cho thấy nền kinh tế của Việt Nam năm 2023 hồi phục khá mạnh mẽ.

Trước những biến động của thị trường, ban quản trị của công ty đã tích cực theo dõi và cập nhật các diễn biến kinh tế toàn cầu và trong nước. Từ đó, họ đã phát triển các chiến lược thích ứng linh hoạt và hiệu quả, nhằm đảm bảo công ty có thể vượt qua mọi thách thức hiện tại và sẵn sàng cho những thay đổi trong tương lai.

### Rủi Ro Pháp Luật

SABIBECO là một Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh bia tại Việt Nam, được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, SABIBECO phải tuân thủ nhiều quy định pháp luật trong các lĩnh vực như: Lao động, Kế toán, Doanh nghiệp, Chứng khoán, cũng như các Nghị định, Thông tư của cơ quan nhà nước.

Trong những năm gần đây, các văn bản quy phạm pháp luật đã được cải tiến để hoàn thiện hơn khuôn khổ pháp lý về đầu tư và kinh doanh, cũng như để bảo vệ sức khỏe và xã hội khỏi các sản phẩm có hại. Điều này đã gây ra hai cú sốc lớn và trực tiếp ảnh hưởng đến ngành bia nói chung và SABIBECO nói riêng. Đó là Nghị định 100/2019/NĐ-CP cấm lái xe có nồng độ cồn trong máu ở bất kỳ mức độ nào; và Nghị định 24/2020/NĐ-CP hạn chế quảng cáo rượu bia. Cả hai Nghị định này đều làm giảm doanh số của các doanh nghiệp ngành bia. Những thay đổi về chính sách này có thể sẽ tiếp tục làm khó cho SABIBECO trong việc tiêu thụ sản phẩm, tăng doanh số và phát triển thị trường. Bên cạnh đó, với mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, các chính sách về môi trường cũng đã được đưa ra. Đặc biệt, trong thời gian tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ trình Chính phủ phê duyệt phí tái chế bao bì, qua đó sẽ làm tăng chi phí sản xuất và bán hàng của các doanh nghiệp.

Vì vậy, SABIBECO cần phải rà soát và điều chỉnh hệ thống quy chế nội bộ của mình để phù hợp với hệ thống pháp lý hiện hành, đồng thời tập trung vào các mục tiêu cải thiện sản xuất và tiêu thụ, tăng doanh thu và lợi nhuận, giữ vững vị thế trên thị trường.

### Rủi Ro Thuế

Tại Việt Nam, số hàng hóa và dịch vụ đặc thù như thuốc lá, rượu, bia, xe hơi, xe gắn máy, điều hòa không khí, máy bay, nhiên liệu,... phải chịu một loại thuế gián thu gọi là thuế tiêu thụ đặc biệt. Quốc hội đã thông qua một luật mới để sửa đổi và bổ sung một số điều khoản của một số luật liên quan, bao gồm cả Luật thuế tiêu thụ đặc biệt. Bộ Tài chính đang tiến hành lấy ý kiến đóng góp cho đề án sửa đổi Luật thuế tiêu thụ đặc biệt nhằm tăng cường hiệu quả của loại thuế này và dự kiến sẽ ban hành vào nửa sau của năm 2024. Bộ Tài chính cũng đang xem xét việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt cho các sản phẩm có hại cho sức khỏe hay môi trường như nước ngọt, nước malt và nước giải khát không có cồn, thuốc lá mới và game online.

## CÁC RỦI RO

### Rủi Ro Nguyên Liệu

Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất bia chủ yếu được nhập từ nước ngoài. Những rủi ro về thời tiết như hạn hán, và lũ lụt. Cùng với đó những ảnh hưởng từ tình hình địa chính trị căng thẳng ở châu Âu, Nga và Ukraine không chỉ tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo mà còn dẫn đến tình trạng thiếu hụt trầm trọng nguồn cung lương thực toàn cầu. Đồng thời, giá năng lượng cũng tăng vọt do các lệnh trừng phạt đối với Nga, gây ra lạm phát cao trên toàn cầu, từ đó làm tăng giá cả của hàng hóa cơ bản, trong đó bao gồm nguyên vật liệu đầu vào của ngành sản xuất (malt, vỏ lon nhôm, nhãn,...). Bên cạnh đó, thế giới cũng phải đối mặt với tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng và nguồn cung nguyên liệu khan hiếm, việc nhập vật tư nguyên liệu chính để sản xuất có nguy cơ chậm tiến độ vì đối tác nước ngoài không bố trí được phương tiện vận chuyển đã đặt ra gánh nặng chi phí cho các nhà sản xuất

Bất chấp những thách thức đó, SABIBECO đã kiểm soát được chi phí đầu vào bằng cách mua chung một số nguyên vật liệu và mua trước các nguyên vật liệu chính để giảm thiểu biến động giá cả. Bên cạnh đó, Ban Điều hành đã nỗ lực đưa ra các kế hoạch kịp thời và phù hợp để đảm bảo cung ứng đủ nguyên vật liệu cho sản xuất năm 2024, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt.

### Rủi Ro Cạnh Tranh

Trong bối cảnh thị trường vẫn còn khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà sản xuất nhằm giành giật thị trường là điều khó tránh khỏi. Sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường không chỉ giữa các doanh nghiệp nội địa mà sự gia nhập của những thương hiệu bia quốc tế càng làm gia tăng những thách thức đối với SABIBECO. Năm 2023, các đối thủ cạnh tranh đều tập trung đẩy mạnh công tác hỗ trợ, khuyến mại, thúc đẩy bán hàng để giành giật thị trường sau thời gian dài của năm 2021 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid. Từ đầu năm 2022 đến nay, các ông lớn ngành bia như HABECO, SABECO, CARLSBERG và HEINEKEN đã triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông thương hiệu, xúc tiến bán hàng rộng khắp trên toàn quốc và tại tất cả các phân khúc sản phẩm, trong đó, đặc biệt các hãng đều chú trọng vào các chương trình thúc đẩy bán hàng đối với các sản phẩm phổ thông. Ngay sau mùa kinh doanh tết, các hãng tiếp tục triển khai một loạt các chương trình, hoạt động xúc tiến bán hàng cho người tiêu dùng, dự báo Sabibeco sẽ tiếp tục chịu rất nhiều sức ép từ các công ty cùng ngành.

### Rủi Ro Tỷ Giá

Để ứng phó với việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ và nhiều ngân hàng trung ương lớn siết chặt chính sách tiền tệ và nâng lãi suất trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã quyết định mở rộng biên độ tỷ giá giao ngay USD/VND từ mức +/-3% lên +/-5%, có hiệu lực từ tháng 10/2022 tới nay. Tỷ giá biến động có thể gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất và lợi nhuận của SABIBECO. Tuy nhiên, nhờ triển vọng kinh tế vĩ mô tăng trưởng tốt và chính sách ổn định tỷ giá đồng nội tệ của Ngân hàng Nhà nước, rủi ro tỷ giá cho SABIBECO hiện tại không cần lo lắng.

### Rủi Ro Lãi Suất

Mức lạm phát trên toàn cầu vẫn cao và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã nâng lãi suất nhiều lần trong năm nay, và có thể sẽ tiếp tục tăng trong năm 2024. Việt Nam là một trong những nước ít có thể ổn định kinh tế vĩ mô và chống lại các ảnh hưởng xấu từ thị trường tài chính quốc tế, so sánh với các nền kinh tế khác. Trong khi các ngân hàng trung ương trên thế giới đã bắt đầu siết chặt chính sách tiền tệ và tăng lãi suất liên tục từ đầu năm 2022, thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ bắt đầu nâng lãi suất vào tháng 9 và kết thúc năm bằng việc tăng lãi suất hai lần, mỗi lần 1%. Lãi suất sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố khó lường, như tình hình dịch bệnh, tác động của chính sách tiền tệ của Mỹ, áp lực lạm phát, nhu cầu tín dụng và huy động vốn của các ngân hàng.

### Rủi Ro Khác

Ngoài những rủi ro kể trên, những rủi ro như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... tuy hiếm xảy ra nhưng cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và sự ổn định của các công ty và toàn xã hội. Có thể thấy đây là những rủi ro có thể bất ngờ xảy ra và không thể loại trừ nguy cơ gây tổn thất đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản, tình hình hoạt động và sản xuất của công ty. Tuy không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro trên nhưng có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật các tin tức: chính trị, thời tiết, xã hội... Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ để chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về người và tài sản đến mức thấp nhất.

# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
1	Sản lượng	Triệu lít	212,5	196,8	92,61%
2	Doanh thu thuần	Đồng	2.356.649.630.913	2.020.187.383.885	85,72%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Đồng	9.587.914.991	(133.415.246.225)	(1391,49)%
4	Lợi nhuận khác	Đồng	1.420.041.701	(206.475.323)	(14,54)%
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	11.007.956.692	(133.208.770.902)	(1210,11)%
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(3.468.365.831)	(152.226.758.369)	(4389,01)%



### CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023		%2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán hàng hoá	157.453.094.070	6,68%	64.260.068.001	3,18%	40,81%
Doanh thu bán thành phẩm	2.176.938.673.495	92,37%	1.929.526.139.065	95,51%	88,63%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.070.664.232	0,77%	17.072.658.051	0,85%	94,48%
Doanh thu khác	4.187.199.116	0,18%	9.328.518.768	0,46%	222,79%
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.356.649.630.913</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.020.187.383.885</b>	<b>100,00%</b>	<b>85,72%</b>

### NHẬN XÉT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2023, tình hình hoạt động của Công gặp nhiều khó khăn do tình hình thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, và khó lường hơn so với dự báo. Điều này đã tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước và tạo sức ép lớn lên quản lý công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, trong năm 2023, công ty chưa hoàn thành được chỉ tiêu đề ra của HĐQT. Năm 2023, SBB đối mặt với những thách thức đến từ các chính sách siết chặt của cơ quan ban ngành về chủ trương phòng chống tác hại của rượu bia nhằm hạn chế tai nạn giao thông đã làm cho sản lượng tiêu thụ bia sụt giảm. Cụ thể, sản lượng sản xuất đạt ... triệu lít, đạt ...% kế hoạch, đóng góp vào doanh thu toàn Công ty là 2.020 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí giá nguyên vật liệu tăng cao cũng đã góp phần làm cho lợi nhuận hoạt động kinh doanh của SBB không đạt được kế hoạch chỉ tiêu đã đề ra.

### NHẬN XÉT CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Trong năm 2023, doanh thu của Sabibeco đạt 2.020,2 tỷ đồng, thấp hơn khoảng 14,28% so với năm 2022. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần chiếm 95,51%. Trong năm này doanh thu bán hàng hoá ghi nhận mức thấp hơn so với năm 2022, đạt 64,3 tỷ đồng chiếm 3,18% trong tổng cơ cấu doanh thu thuần. Đáng chú ý, trong năm tài chính công ty ghi nhận doanh thu khác mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng đạt được mức tăng đáng kể từ 4 tỷ lên thành 9 tỷ đồng vào cuối năm, chiếm 0,48% trong tổng cơ cấu doanh thu thuần.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ (TV.HDQT không điều hành)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Văn Thảo Nguyên	Phó chủ tịch HĐQT – Phó TGĐ	3.275.000	3,74%
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng giám đốc	-	-
3	Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng giám đốc	2.900.000	3,31%
4	Bà Nguyễn Thị Hiếu	Kế toán trưởng	253.000	0,29%



### LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

01

**VĂN THẢO NGUYÊN**  
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT – PHÓ TGĐ

**Năm sinh:** 1980

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Tháng 08/2013 đến tháng 03/2018	Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn – Ninh Thuận
Tháng 03/2016 đến 2018	Chủ tịch Công ty liên doanh Crown Sài Gòn
Tháng 9/2011 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây Giám đốc Chi nhánh CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn Bình Dương
Tháng 06/2012 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại CTCP Bao Bì Sabeco Sông Lam, nay đổi tên thành CTCP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn
Tháng 04/2017 đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Năm 2018 đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn Hà Nội

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại CTCP Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn  
Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi  
Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn Hà Nội

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.275.000 cổ phần, chiếm 3,74% VDL

Cổ phần đại diện sở hữu: không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

15.025.940 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,16%VDL.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

02

**ÔNG NGUYỄN MẠNH HÙNG**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Năm sinh:** 1966

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Hóa

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Năm 1993 đến năm 2005	Công tác tại Nhà máy Bia Dung Quất – CTCP Đường Quảng Ngãi
Năm 2005 đến năm 2006	Công tác tại Nhà máy Bia Phương Nam – CTCP Hoàng Quỳnh
Năm 2006 đến năm 2007	Công tác tại Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn
Năm 2007 đến năm 2012	Phó giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Bình Dương – CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây
Năm 2012 đến năm 2019	Phó giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Hoàng Quỳnh - CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây, sau đổi tên thành CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Tháng 07/2019 đến nay	Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: không có

Cổ phần đại diện sở hữu: không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** không có

03

**BÀ VĂN BẢO NGỌC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Năm sinh:** 1982

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ tháng 03/2012 đến tháng 06/2020	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây
Từ tháng 06/2020 đến nay	Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây
Từ tháng 06/2020 đến nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 2.900.000 cổ phần, chiếm 3,31% VDL

Cổ phần đại diện sở hữu: không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

15.420.940 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,61% VDL.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

04

**NGUYỄN THỊ HIẾU**  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Năm sinh:** 1964

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Tháng 04/1990 đến tháng 01/2006	Kế toán, Phó phòng kế hoạch tại Công ty Công trình đô thị Quận 1, TP.HCM
Tháng 02/2006 đến tháng 11/2006	Kế toán Ngân hàng Chính sách Xã hội TP.HCM, Chi nhánh Gò Vấp
Tháng 12/2006 đến nay	Kế toán, kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây, nay đổi tên thành CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Năm 2008 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bao bì Sabeco Sông Lam, nay đổi tên thành CTCP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên BKS CTCP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 253.000 cổ phần, chiếm 0,29%% VĐL

Cổ phần đại diện sở hữu: không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** không có

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tại ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I. Theo trình độ lao động</b>		<b>304</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ trên đại học	5	1,64%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	132	43,42%
3	Trình độ trung cấp	34	11,18%
4	Công nhân kỹ thuật	74	24,34%
5	Lao động phổ thông	59	19,41%
<b>II. Theo hợp đồng lao động</b>		<b>304</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	271	89,14%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định 1-3 năm	33	10,86%
<b>III. Theo giới tính</b>		<b>304</b>	<b>100%</b>
1	Nam	229	75,33%
2	Nữ	75	24,67%

## THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng)
1	2020	379	9,2
2	2021	340	7,5
3	2022	316	10,5
4	2023	304	10,4



## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### 01 CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Thu hút và giữ chân nhân sự giỏi là một trong những mục tiêu hàng đầu mà công tác quản trị nguồn nhân lực tại Sabibeco luôn hướng đến. Công ty ưu tiên tuyển chọn những cá nhân có năng lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong suốt nhiều năm, Công ty đã xây dựng thành công những chính sách về phát triển con người, quản lý doanh nghiệp nhằm tạo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

### 02 CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Định kỳ, Công ty tổ chức các buổi huấn luyện, đào tạo nghiệp vụ nhằm bổ sung các kiến thức, kỹ năng theo đặc thù từng nhóm công việc. Các buổi đào tạo được xây dựng trên cơ sở đảm bảo theo đúng quy chế Công ty ban hành. Qua các buổi đào tạo, người lao động sẽ có cơ hội mở rộng kiến thức, kỹ năng, đồng thời có thêm động lực nâng cao sức khỏe tinh thần để hoàn thành công việc.

### 03 MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Môi trường làm việc tốt sẽ phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo của nhân viên, góp phần nâng cao năng suất lao động. Hiểu được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi người lao động đều cảm thấy là một phần của Tổng công ty.

### 04 CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực và lộ trình nghề nghiệp cụ thể cho từng vị trí chức danh với các tiêu chuẩn rõ ràng. Với lộ trình này, mỗi nhân viên đều biết mình đang ở nấc thang nào trong lộ trình nghề nghiệp và cần phải trang bị thêm những kiến thức và kỹ năng gì để phát triển chuyên môn, năng lực và để thăng tiến lên những vị trí cao hơn.

### 05 LƯƠNG THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ ĐÃI NGỘ

Chính sách trả lương và thưởng của Công ty được thực hiện một cách minh bạch và đầy đủ đối với nhân viên, tuân thủ đúng quy định của Nhà nước.

Mức lương và thưởng được quyết định dựa trên hiệu quả lao động, thể hiện qua bảng lương được xây dựng bởi Công ty. Tất cả những người lao động tham gia vào Công ty đều ký Hợp đồng lao động và được hưởng các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội. Nhân viên được trang bị bảo hộ lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân tại nơi làm việc theo yêu cầu ngành nghề, đảm bảo chất lượng. Công ty cũng tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra, Công ty cũng cung cấp nhiều chế độ phúc lợi khác cho nhân viên, bao gồm hỗ trợ tiền ăn giữa ca, chi thưởng vào các ngày lễ và Tết để đảm bảo lợi ích của nhân viên và tăng cao tinh thần lao động. Công ty cũng luôn lắng nghe và hỗ trợ các yêu cầu và nguyện vọng của tất cả nhân viên, nhằm đảm bảo lợi ích về mặt tinh thần cho người lao động.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC DỰ ÁN LỚN

- Trong năm công ty không tiến hành đầu tư, thực hiện dự án.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

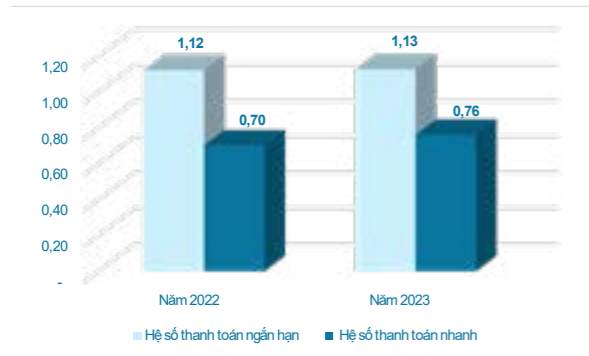
### CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,70	0,76
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	35,43%	34,42%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	54,87%	52,47%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,93	5,34
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,75	0,71
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,47%	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,56%	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,36%	-
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	-	-

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

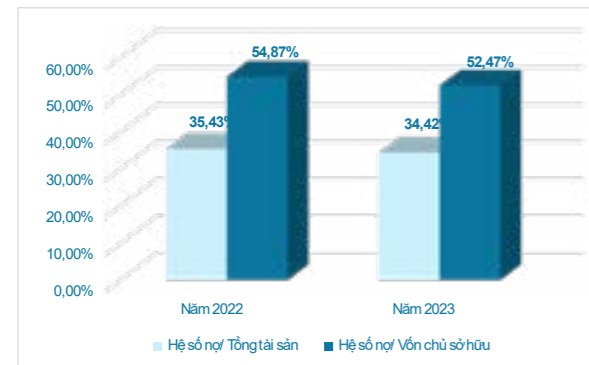
## CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Trong năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,13 lần và 0,76 lần, chủ yếu là do sự thay đổi không đồng đều của tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn. Đáng chú ý, là hàng tồn kho đã giảm đáng kể 30,28% so với cùng kỳ tại thời điểm ngày 31/12/2022. Nguyên nhân chính là do nguồn gốc từ lượng hàng gửi đi bán tăng mạnh, đạt gần 25 tỷ đồng, chủ yếu đến từ tồn đọng hàng hóa do nhu cầu tiêu thụ bia của người dân giảm sút. Sự không cân đối này đã tạo ra một thách thức cho quá trình quản lý tài chính và cần được xem xét kỹ lưỡng để đảm bảo sự ổn định và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

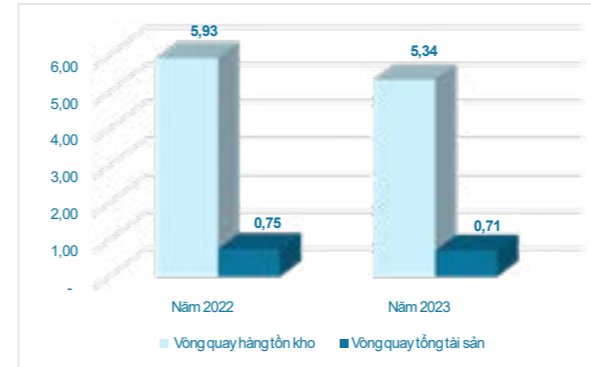
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Hệ số nợ/tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 là 34,42%, giảm 1,01% so với thời điểm ngày 31/12/2022. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đạt 52,47%, tương đương giảm 2,4% so với năm trước, chủ yếu xuất phát từ khoản mục nợ phải trả của Công ty so với cùng kỳ.

Trong năm 2023, nợ ngắn hạn giảm là nguyên nhân chính trong sự biến động của nợ phải trả, khi giảm gần 13,65% so với năm trước, tức giảm đi 122 tỷ đồng. Chủ yếu đến từ việc Công ty đã tắt toán một số khoản vay trong năm, nhằm giảm bớt áp lực tài chính và các chi phí liên quan đến lãi suất và phí vay.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Trong năm 2023, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của công ty đã ghi nhận những biến động đáng chú ý. Đầu tiên, vòng quay tổng tài sản trong năm này giảm xuống còn 0,71 vòng, giảm 0,04 vòng so với năm trước. Nguyên nhân xuất phát đến từ sự thay đổi của thị trường, bao gồm thay đổi xu hướng tiêu dùng của khách hàng và ảnh hưởng từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt đối với người uống rượu bia, các yếu tố này đã tạo ra rào cản lớn ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ làm cho vòng quay tổng tài sản giảm đi.

Bên cạnh đó, vòng quay hàng tồn kho cũng ghi nhận mức giảm nhẹ, đạt 5,34 vòng so với mức 5,93 vòng của năm 2022. Nguyên nhân là do lượng hàng tồn kho giảm trong năm, chủ yếu đến từ việc giảm nguyên vật liệu và thành phẩm do Công ty điều chỉnh để thích ứng với tình hình tiêu thụ, tránh tồn đọng hàng tồn kho. Những biến động này đã đặt ra một thách thức lớn đối với công ty trong việc quản lý và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh. Để vượt qua thời kỳ khó khăn này, công ty cần phải tập trung vào việc điều chỉnh chiến lược sản xuất và tiêu thụ, cũng như tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho để đảm bảo hiệu quả và sức khỏe tài chính trong tương lai.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trải qua năm 2023, ngành công nghiệp đồ uống có cồn của Việt Nam đã đối mặt với nhiều thách thức đáng kể. Sự suy giảm trong nhu cầu tiêu dùng và kinh tế nội địa, cùng với việc áp dụng chính sách hạn chế sử dụng rượu, bia đã gây ra sự suy giảm về doanh thu, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và với SBB nói riêng. Hơn nữa, tác động kép từ đại dịch Covid-19 cũng đã tạo ra những khó khăn thêm cho ngành công nghiệp đồ uống, làm giảm nhu cầu tiêu thụ và tạo ra rào cản trong quá trình sản xuất và phân phối. Trước những thách thức này, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức âm. Trong thời gian tới, kỳ vọng về hoạt động kinh doanh sẽ được cải thiện tích cực do được hưởng lợi từ các hoạt động thúc đẩy và khuyến khích của ngành du lịch. Bên cạnh đó, thị trường bia tiếp tục chứng kiến sự chuyển dịch nhu cầu khách hàng từ phân khúc cận cao cấp xuống phổ thông, đây là cơ hội cho những hãng bia nội có sản phẩm bình dân như SBB thu hẹp khoảng cách lợi nhuận với doanh nghiệp.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu	
Vốn điều lệ Công ty	875.245.360.000
Số lượng cổ phiếu niêm yết	87.524.536
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Không có
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Không có

### THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

**875.245.360.000 đồng**  
Vốn điều lệ

Trong năm 2023 vừa qua, Công ty **không phát sinh** hoạt động tăng vốn chủ sở hữu.

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

- Không có

### CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

- Không có

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Tính từ ngày 02/01/2024)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>454</b>	<b>87.524.536</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0%
2	Cổ đông tổ chức	8	23.692.580	236.925.800.000	27,07%
3	Cổ đông cá nhân	446	63.831.956	638.319.560.000	72,93%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Cá nhân	-	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Cộng</b>		<b>454</b>	<b>87.524.536</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>100,00%</b>

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công Ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	14.372.300	16,42%
2	Nguyễn Thị Hạnh	6.496.840	7,42%
3	Công Ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.520.000	6,31%

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Sabibeco hiểu rằng trong quá trình hoạt động, Công ty vẫn tác động đến môi trường tự nhiên. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, vì đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất của phát triển bền vững. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường, lựa chọn và áp dụng công nghệ tiên tiến để giảm thiểu tiêu thụ vật tư. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên để ứng phó kịp thời với các vấn đề phát sinh, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Trong năm vừa qua, Công ty duy trì kế hoạch dự trữ nguyên liệu và tái chế phế liệu trong quá trình sản xuất. Điều này giúp Sabibeco đảm bảo chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường một cách hiệu quả, giảm bớt lượng chất thải mà còn đóng góp vào việc bảo vệ môi trường và tạo ra một quy trình sản xuất bền vững hơn. Công ty tiếp tục nỗ lực và cải tiến trong các hoạt động này, để mang lại những sản phẩm chất lượng cao và bảo vệ môi trường một cách tốt nhất.



## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty có hệ thống các nhà máy đồng bộ và hiện đại đặc biệt tập trung vào đầu tư chuyên sâu cho dây chuyền sản xuất bia. Mỗi bước trong quy trình sản xuất, từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm đầu ra, đều được tự động hóa hoàn toàn, mang lại nhiều lợi ích to lớn.

Tự động hóa không chỉ giúp tiết kiệm năng lượng, nguồn nhân lực và chi phí sản xuất mà còn đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc này tạo ra một môi trường làm việc an toàn và hiệu quả, đồng thời giảm thiểu rủi ro tai nạn lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng tìm kiếm và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như đầu tư thêm vào các máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại. Điều này không chỉ giảm chi phí điện năng mà còn hướng tới sử dụng năng lượng tái tạo và tận dụng nguồn năng lượng sạch, nhưng vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và bền vững.

Sự hỗ trợ và ứng dụng các công nghệ tiên tiến này không chỉ là bước tiến quan trọng trong việc tối ưu hóa quy trình sản xuất của Công ty mà còn thể hiện cam kết của chúng tôi trong việc bảo vệ môi trường và tạo ra giá trị cho cộng đồng.

## TIÊU THỤ NƯỚC

Nước đóng vai trò quan trọng như một nguồn nguyên liệu chủ chốt trong quá trình sản xuất bia, chiếm hơn 90% khối lượng của sản phẩm cuối cùng. Do đó, Công ty luôn khẳng định chủ trương sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả, thông qua việc áp dụng nhiều giải pháp nhằm tái sử dụng nguồn nước.

Qua đó, không chỉ giúp tiết kiệm nước mà còn đảm bảo yêu cầu chất lượng đầu ra của quá trình sản xuất. Đặc biệt, với lượng nước thải phát sinh có mức độ ô nhiễm cao, do các chất hữu cơ và các chất độc hại từ quá trình rửa vỏ chai, vỏ thùng, Sabibeco luôn đảm bảo việc xử lý nước thải đạt chuẩn loại A theo tiêu chuẩn môi trường. Nước thải sau khi được xử lý được đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đảm bảo không gây hại cho môi trường xung quanh.

Sabibeco tin rằng việc tiết kiệm, tái sử dụng nước và nâng cao ý thức của người lao động không chỉ giúp giảm lượng nước tiêu thụ mà còn mang lại nhiều lợi ích khác như giảm chi phí mua nước, xử lý nước thải và năng lượng sản xuất. Điều này không chỉ giúp giảm giá thành sản phẩm mà còn tăng sự cạnh tranh trên thị trường, đồng thời góp phần vào sự bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững của Công ty.

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### ➤ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Chất lượng nước thải đầu ra tại các nhà máy đều đạt loại A. Nhà máy đã tận dụng nước thải sau xử lý để làm nước tưới cây, sân bãi.
- Duy trì thực hiện các chương trình giám sát định kỳ môi trường đầy đủ theo quy định Các chỉ tiêu môi trường được đo đạc định kỳ và làm báo cáo giám sát định kỳ về công tác bảo vệ môi trường.
- Đã xây dựng sân phơi bùn không sử dụng Polymer nhằm tăng khả năng phân hủy bùn.
- Tiêu hao các hóa chất dùng trong sản xuất luôn được giám sát nên thường thấp hơn hoặc tương đương với định mức.
- Chất thải nguy hại được quản lý bằng việc trang bị nơi chứa riêng và ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại để xử lý.

### ➤ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN XÃ HỘI

Công ty luôn đặt cao trách nhiệm đối với địa phương và không ngừng quan tâm, đóng góp vào các hoạt động xã hội. Qua việc tham gia các hoạt động xã hội, Công ty mong muốn góp phần vào việc xây dựng một cộng đồng mạnh mẽ, hạnh phúc và phát triển.

### ➤ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Sabibeco luôn tuân thủ các chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm đóng bảo hiểm, trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ. Công ty nhận thức rằng việc bảo vệ sức khỏe và an toàn cho nhân viên không chỉ tác động đến sự gắn kết với công việc mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững trong tương lai. Trong lĩnh vực đào tạo, Sabibeco thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn và trao đổi học tập để nâng cao chuyên môn và tay nghề cho nhân viên. Mục tiêu của Sabibeco là xây dựng một môi trường làm việc năng động, năng suất và hiệu quả, đem lại sự hài lòng và gắn bó lâu dài cho nhân viên.



# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU, BIA

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	TH 2023	%TH2023/ KH2023	%TH2023/ TH2022
Sản lượng	Triệu lít	212,5	269,5	196,8	73,02%	92,61%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	875.245	875.245	875.245	100,00%	100,00%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.356.650	2.923.144	2.020.187	69,11%	85,72%
Tỷ lệ cổ tức	%	5%	Dự kiến 5%	5%	100,00%	100,00%



Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động SXKD của Công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

### THUẬN LỢI

Là một doanh nghiệp kinh doanh lâu năm trong ngành, Công ty đã xây dựng được hệ thống khách hàng lớn, uy tín và gắn bó đồng hành cùng Công ty. Đội ngũ nhân viên lâu năm và giàu kinh nghiệm, ban lãnh đạo Công ty có tầm nhìn giúp Công ty có thể vượt qua các giai đoạn khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2023, nhìn chung đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát, các dịch vụ ăn uống, vui chơi, nhà hàng ăn uống ... đi vào hoạt động bình thường trở lại. Việc dỡ bỏ các hạn chế đi lại, các chuyến bay quốc tế được nối lại, du khách quốc tế dần trở lại khiến cho ngành du lịch và dịch vụ trên đà phục hồi mạnh mẽ, thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng, kéo theo sự phục hồi mạnh mẽ của các hoạt động giải trí, lưu trú và ăn uống, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm đồ uống nói chung và bia nói riêng, các ngành thực phẩm đồ uống như bia, nước giải khát có những tín hiệu tăng trưởng trở lại.

Trước tình hình khó khăn nêu trên, Ban điều hành Công ty có những chỉ đạo sáng suốt kịp thời vừa quyết liệt vừa linh hoạt, bám sát chủ trương định, hướng của Tổng Công ty, của HĐQT Công ty, nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức cùng toàn thể CBCNV-NLĐ phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

### NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2023, công tác điều hành sản xuất của Công ty đã đạt được những tiến bộ đáng kể, phản ánh sự linh hoạt và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Chúng tôi đã thể hiện sự hợp tác chặt chẽ và phối hợp tốt với các phòng ban khác của SABECO, bao gồm bộ phận giao nhận và các đơn vị vận tải. Việc này đã giúp chúng tôi giải quyết các khó khăn trong quá trình sản xuất và giao nhận sản phẩm

### KHÓ KHĂN

Tình hình cạnh tranh chính trị trên thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nguy cơ suy thoái kinh tế và các rủi ro về tài chính. Lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất biến động dẫn đến giá cả nhiều yếu tố đầu vào và chi phí sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng.

Ngành bia trong nước tiếp tục chịu ảnh hưởng từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt phương tiện tham gia giao thông có nồng độ cồn trong máu ở bất kỳ mức độ nào và Nghị định 24/NĐ-CP với các quy định khắt khe về quảng cáo rượu bia.

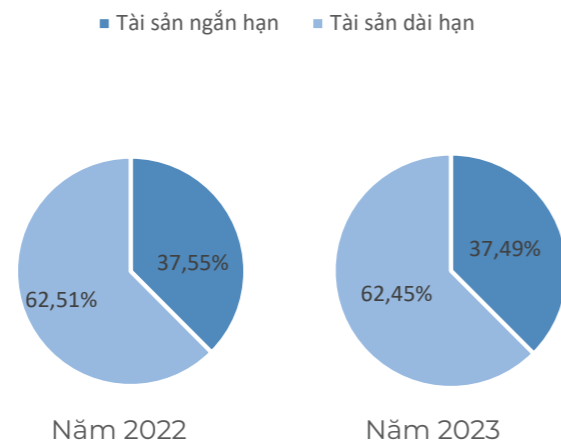
Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà sản xuất nhằm giành giật thị trường là điều khó tránh khỏi. Sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường không chỉ giữa các doanh nghiệp nội địa mà sự gia nhập của những thương hiệu bia quốc tế càng làm gia tăng những thách thức đối với Công ty.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH2023/ TH2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Tài sản ngắn hạn	1.140.549.627.132	1.008.964.596.302	88,46%	37,55%	37,49%
Tài sản dài hạn	1.920.035.845.872	1.682.288.417.585	88,70%	62,51%	62,45%
Tổng tài sản	3.060.585.473.004	2.691.253.013.887	88,61%	100,00%	100,00%



Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2023, tương đạt 88,61% so với cùng kỳ, tài dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu.

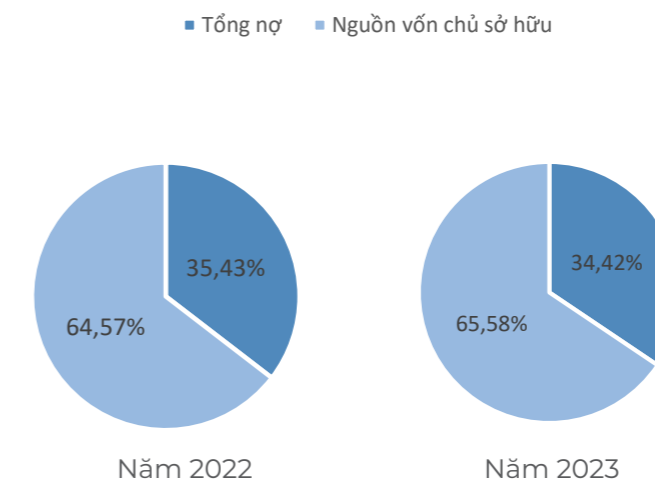
Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 đạt 88,46% so với thời điểm cuối năm 2022, chủ yếu do việc hàng tồn kho giảm. Tài sản dài hạn ngày 31/12/2023 đạt 88,70%, chủ yếu do tác động của các chi phí khấu hao đối với các tài sản cố định trong quá trình sản xuất kinh doanh, bao gồm nhà máy, máy móc, thiết bị.

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty thể hiện được sự ổn định, với tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn không có sự biến động đáng kể so với cuối năm 2022. Cụ thể, tài sản dài hạn tại thời điểm cuối năm 2023 vẫn giữ vai trò nền tảng trong cơ cấu tổng tài sản, chiếm 62,51% tổng tài sản. Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, nên các nhà máy, máy móc và thiết bị,... chiếm giữ một tỷ trọng lớn trong tổng tài sản dài hạn, hỗ trợ trực tiếp cho quá trình sản xuất kinh doanh.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH2023/ TH2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Nợ ngắn hạn	1.015.640.293.837	894.310.381.693	88,05%	33,44%	33,23%
Nợ dài hạn	60.454.992.257	31.891.768.054	52,75%	1,99%	1,19%
Tổng nợ	1.076.095.286.094	926.202.149.747	86,07%	35,43%	34,42%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.984.490.186.910	1.765.050.864.140	90,01%	64,57%	65,58%
Tổng nguồn vốn	3.060.585.473.004	2.691.253.013.887	88,61%	100%	100%



Tổng nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2023 đạt 926 tỷ đồng, giảm nhẹ so với thời điểm cuối kỳ năm 2022, tương đương đạt 86,07%. Nợ ngắn hạn đạt mức giảm đáng kể, từ mức hơn 1.015 tỷ đồng cuối kỳ năm 2022, còn 894 tỷ đồng cuối kỳ năm 2023, chủ yếu đến từ việc giảm khoản vay ngắn hạn. Việc này giúp Công ty giảm bớt các gánh nặng tài chính trong năm. Nợ dài hạn chỉ chiếm phần nhỏ và không đáng kể trong cơ cấu tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 (1,19%), và đạt mức giảm mạnh và cuối kỳ năm 2022.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Trong năm vừa qua, Công ty đã tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức, Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và bổ sung, đồng thời tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Điều này giúp tạo ra một môi trường làm việc ổn định và hiệu quả, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của công ty.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024 của công ty sẽ được trình và thông qua ở Đại hội Cổ đông thường niên năm 2024.

### GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Trong năm 2024, SABIBECO thực hiện một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động và nâng cao lợi nhuận trong bối cảnh thị trường đầy thách thức, nhằm thực hiện một số giải pháp trọng tâm, như sau:

- Tăng sản lượng sản xuất/giao hàng
- Kiểm soát hoạt động sản xuất, giảm chi phí sản xuất
- Nghiên cứu cải tiến quy trình, công nghệ
- Duy trì tính hiệu lực của các hệ thống quản lý ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, ISO/IEC 17025 và ISO 50001;
- Giảm công nợ và hàng tồn kho
- Thực hiện tiết kiệm trong công tác quản lý hành chính

### GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty đã thực hiện việc tiêu thụ và xử lý các chỉ tiêu môi trường một cách hiệu quả, bao gồm việc sử dụng điện, nước, năng lượng và kiểm soát phát thải theo kế hoạch và đạt được kết quả tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường và tạo ra một môi trường làm việc thuận lợi và ổn định, từ đó thúc đẩy hiệu suất sản xuất và tăng cường uy tín của doanh nghiệp.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đánh giá cao sự nỗ lực xuất sắc của đội ngũ cán bộ và nhân viên trong việc hoàn thành mục tiêu công việc, thể hiện rõ tinh thần đoàn kết và tuân thủ nghiêm túc các quy định của tổ chức. Để quản lý hiệu quả, Công ty liên tục cải thiện các khía cạnh liên quan đến tuyển dụng, lương thưởng, bảo hiểm xã hội và chính sách phúc lợi, cũng như việc đánh giá, khen thưởng và kỷ luật đối với cả nhân viên và Ban lãnh đạo. Điều này nhằm mục đích thúc đẩy động lực làm việc và khích lệ sự cam kết lâu dài của nhân viên với công ty

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn tuân thủ trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương bằng cách đóng góp và hỗ trợ cho người dân, đồng thời cam kết duy trì môi trường sống sạch và an toàn trong khu vực hoạt động. Hơn nữa, Công ty hướng tới việc tạo ra giá trị thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng, cùng với việc tăng cường hoạt động truyền thông để thúc đẩy văn hóa thương hiệu và nâng cao vị thế của sản phẩm trong cộng đồng.

# 04

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Nhìn chung năm 2023 là một năm hết sức khó khăn, và thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với chi phí đầu vào tăng cao như giá nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, tiền lương công nhân,... cộng thêm sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất, mua bán cùng ngành nghề ngày càng gay gắt. Vì vậy, Công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2023 vừa phải đảm bảo sức khỏe, việc làm, thu nhập, đời sống cho CBCNVLD.

Song song đó, Hội đồng quản trị cũng hợp tác chặt chẽ với Ban điều hành để dẫn dắt công ty đi theo hướng phát triển phù hợp với tốc độ phát triển của ngành và tận dụng ưu thế để giúp công ty vượt qua những thử thách, từ đó đặt nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2023, Ban Tổng giám đốc đã phấn đấu hết sức để triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương từ Hội đồng quản trị, đồng thời linh hoạt đối phó với những biến động của tình hình thực tế tại Công ty. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị đã giúp nắm bắt và xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh và tình huống cấp bách.

Trong việc điều hành hoạt động hàng ngày, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định của Điều lệ, quy chế và quy định của Công ty, đề xuất giải quyết các khó khăn và vướng mắc. Trong năm 2023, Ban điều hành đã làm việc chăm chỉ để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, dưới sự chỉ đạo và giám sát của Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã tích cực triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, tuy nhiên, các chỉ tiêu chính như doanh thu và lợi nhuận không đạt được như kế hoạch đã đề ra. Điều này thể hiện sự thách thức và cần có những biện pháp điều chỉnh để cải thiện hiệu suất kinh doanh trong tương lai.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đối phó với biến động không ngừng trong nền kinh tế, Hội đồng quản trị luôn đổi mới và thích nghi với tình hình hiện tại.

- Phối hợp chặt chẽ với Sabeco để hoàn thành việc gia công sản xuất cho Sabeco và giao hàng theo đúng kế hoạch
- Công ty sẽ không ngừng sáng tạo và nghiên cứu các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường, mở rộng lĩnh vực đồ uống và xây dựng thương hiệu mạnh mẽ. Đồng thời, Công ty sẽ linh hoạt điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và áp dụng biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính.
- Để tiếp tục phát triển và đảm bảo bền vững, Công ty sẽ triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tập trung vào việc xây dựng và phát triển thương hiệu. Công ty đảm bảo cải thiện quản lý nguồn nhân lực và tăng cường hiệu suất công việc của nhân viên thông qua hệ thống đánh giá hiệu suất.
- Công ty sẽ quản lý tài chính và nhân lực một cách hiệu quả, tập trung vào việc tiết kiệm chi phí và đầu tư vào các hạng mục cần thiết để giảm phát thải và tăng cường tiết kiệm năng lượng.
- Đồng thời, Sabibeco sẽ tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống tài liệu nội bộ, tuân thủ quy định pháp luật và đảm bảo mức lương và phúc lợi ổn định cho nhân viên. Cuối cùng, Sabibeco sẽ không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.



# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản

trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ (TV.HĐQT không điều hành)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	4.425.000	5,05%
2	Ông Văn Thảo Nguyên	Phó chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc	3.275.000	3,74%
3	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành Viên HĐQT không điều hành	0	0%
4	Ông Đinh Văn Thuận	Thành Viên HĐQT không điều hành	2.104.140	2,40%
5	Ông Phạm Tấn Lợi	Thành Viên HĐQT không điều hành	0	0%
6	Ông Đinh Quang Hải	Thành Viên HĐQT	205.400	0,23%
7	Ông Đặng Thái	Thành Viên HĐQT	150.000	0,17%



### LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT

## 01

#### ÔNG VĂN THANH LIÊM CHỦ TỊCH HĐQT

**Năm sinh:** 1950

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT tại CTCP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn  
Chủ tịch HĐQT tại CTCP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn  
Chủ tịch tại Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận  
Chủ tịch tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý  
Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn – Sông Lam  
Chủ tịch HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn Long Khánh

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.325.000 cổ phần, chiếm 4,94% VDL

Cổ phần đại diện sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,11% VDL

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

13.091.840 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,96% VDL.

## 02

#### ÔNG VĂN THẢO NGUYÊN PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT – P.TGD

Xem lý lịch tại Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng

## 03

#### ÔNG NGUYỄN TIẾN DŨNG THÀNH VIÊN HĐQT

**Năm sinh:** 1973

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 04 ÔNG ĐÌNH VĂN THUẬN THÀNH VIÊN HĐQT

**Năm sinh:** 1954

**Trình độ chuyên môn:** Giáo sư, Tiến sĩ nhiệt lạnh

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT tại CTCP Tập đoàn Polycơ  
Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách khoa (POLYCO)  
Chủ tịch hội đồng tại Trường Đại học công nghệ Đông Á  
Chủ tịch HĐQT tại CTCP Đầu tư và Thương mại Thuận Thành  
Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn - Hà Nội

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 250.000 cổ phần, chiếm 0,29% VDL

Cổ phần đại diện sở hữu: 1.854.140 cổ phần, chiếm 2,12% VDL

## 05 ÔNG PHẠM TẤN LỢI THÀNH VIÊN HĐQT

**Năm sinh:** 1975

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Trưởng Ban đầu tư tại Sabeco  
Tổng giám đốc tại CTCP Rượu Bình Tây  
Chủ tịch Công ty liên doanh TNHH Crown Sài Gòn  
Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn Bến Tre  
Thành viên HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn Lâm Đồng

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

## 06 ÔNG ĐÌNH QUANG HẢI THÀNH VIÊN HĐQT

**Năm sinh:** 1961

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Tổng giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 250.000 cổ phần, chiếm 0,29% VDL

Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

595.520 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,68% VDL.

## 07 ÔNG ĐẶNG THÁI THÀNH VIÊN HĐQT

**Năm sinh:** 1952

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc tại Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 150.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,17% VDL

Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	-
2	Ông Văn Thảo Nguyên	Phó chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc	5/5	100%	-
3	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành Viên HĐQT không điều hành	4/5	80%	Đi công tác
4	Ông Đinh Văn Thuận	Thành Viên HĐQT không điều hành	5/5	100%	-
5	Ông Phạm Tấn Lợi	Thành Viên HĐQT không điều hành	4/5	80%	Đi công tác
6	Ông Đinh Quang Hải	Thành Viên HĐQT	5/5	100%	-
7	Ông Đặng Thái	Thành Viên HĐQT	5/5	100%	-

## DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2023

Không có



## CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/HĐQT	10/01/2023	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ công ty con về công ty mẹ	7/7
2	02/2023/HĐQT	17/04/2023	Nghị quyết HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	7/7
3	03/2023/NQ-HĐQT	08/05/2023	Nghị quyết HĐQT về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	7/7
4	04/2023/NQ-HĐQT	26/05/2023	Nghị quyết HĐQT về việc chi cổ tức năm 2022	7/7
5	05/2023/NQ-HĐQT	17/07/2023	Nghị quyết HĐQT về việc Thông qua đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết	7/7
6	07/2023/NQ-HĐQT	11/12/2023	Nghị quyết HĐQT về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường	7/7
7	08/2023/NQ-HĐQT	12/12/2023	Nghị quyết HĐQT về việc ngày chốt danh sách cổ đông cho Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2024	7/7
8	09/2023/NQ-HĐQT	27/12/2023	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi ngày Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	7/7
9	06/2023/QĐ-CTHĐQT	22/06/2023	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc điều chuyển cán bộ công nhân viên (Phó giám đốc nhà máy)	7/7
10	08/2023/QĐ-SGBT	18/07/2023	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc Ban hành Nội qui lao động	7/7
11	10/2023/QĐ-SGBT	20/07/2023	Quyết định của HĐQT về việc thành lập Ban đấu giá thanh lý tài sản	7/7

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Không có

# BAN KIỂM SOÁT



## CƠ CẤU VÀ THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
1	Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	800.000	0,91%
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	0	0
3	Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	225.000	0,26%



## LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

### 01

#### ÔNG VĂN BÁ NAM TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

**Năm sinh:** 1948

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư vật lý

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT tại CTCP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn  
Trưởng BKS tại CTCP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 800.000 cổ phần, chiếm 0,91% VĐL

Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

### 02

#### ÔNG NGUYỄN VĂN HÒA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**Năm sinh:** 1979

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ kế toán - tài chính - quản trị

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT tại CTCP Rượu Bình Tây  
Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ  
Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn Quảng Ngãi  
Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn Trung Tâm  
Trưởng phòng Kế toán tổng hợp Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

### 03

#### BÀ BÙI THỊ THÁI HÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**Năm sinh:** 1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó giám đốc tại Công ty TNHH TM và DV Bia Sài Gòn Bình Tây

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cổ phần sở hữu cá nhân: 225.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,26% VĐL

Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

240.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,27% VĐL.



## BAN KIỂM SOÁT

### THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT

Không có

### CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành Viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	4/4	100%	-
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	4/4	100%	-
3	Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	4/4	100%	-

## BAN KIỂM SOÁT

### HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Giám sát việc tuân thủ pháp luật nhà nước, Điều lệ công ty và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BĐH trong việc quản lý và điều hành công ty; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chính sách điều hành công ty; Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và các báo cáo tài chính định kỳ các quý năm 2023 nhằm phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động; Giám sát, đánh giá công tác quản trị, điều hành đối với HĐQT và Ban giám đốc.

### SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Ban kiểm soát được tham dự các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp Ban tổng giám đốc với các chi nhánh, công ty con, các bộ phận quản lý; Thực hiện giám sát HĐQT, Ban tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- HĐQT và Ban tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, mời tham dự các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp điều hành sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT.
- HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc luôn sẵn sàng phối hợp với các cổ đông để giải quyết các vấn đề cổ đông quan tâm; luôn cập nhật các thông tin tới cổ đông thông qua các hoạt động công bố thông tin hoặc thông tin trực tiếp cho những cổ đông có yêu cầu.

### HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Không có

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM TOÁN/BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền (Đồng)
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	96.000.000
Ông Văn Thào Nguyên	Phó Chủ tịch	72.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	72.000.000
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên	72.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên	72.000.000
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên	72.000.000
Ông Đặng Thái	Thành viên	72.000.000
<b>Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	30.000.000
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	30.000.000
<b>Lương, thưởng và khoản phúc lợi khác Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Văn Thào Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.080.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	877.500.000
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	325.000.000
<b>Lương, thưởng và khoản phúc lợi khác Ban Tổng Giám đốc</b>		8.302.500.000

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM TOÁN/BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



### GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Không có



### GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Quan hệ với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Tổng giá trị giao dịch
1	Cty TNHH TM và DV Bia Sài Gòn Bình Tây	Công ty con	-	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ 106.025.126.902 VNĐ
2	Cty TNHH TM và DV Bia Sài Gòn Bình Tây	Công ty con	-	Mua dịch vụ 2.055.036.910 VNĐ
3	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Phú Lý	Công ty con	-	Lợi nhuận chuyển về 39.500.000.000 VNĐ
4	Công ty TNHH Bia Sài Gòn Ninh Thuận	Công ty con	-	Bán nguyên vật liệu 9.571.917.694 VNĐ
5	Công ty TNHH Bia Sài Gòn Ninh Thuận	Công ty con	-	Mua hàng hóa 12.809.634.189 VNĐ
6	TCT Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	Bên liên quan	-	Bán hàng hóa, dịch vụ 1.757.147.490.056 VNĐ
7	TCT Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	Bên liên quan	-	Mua nguyên vật liệu 660.057.513.627 VNĐ
8	TCT Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	Bên liên quan	-	Chia cổ tức 7.186.150.000 VNĐ
9	Công ty CP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	Bên liên quan	-	Bán hàng hóa, dịch vụ 132.000.000 VNĐ
10	Công ty CP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	Bên liên quan	-	Mua nguyên vật liệu 84.761.188.982 VNĐ
11	Công ty CP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	-	Mua dịch vụ vận tải 11.305.861.946 VNĐ



### GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Quan hệ với công ty	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Tổng giá trị giao dịch
1	TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	Bên liên quan	Công ty TNHH Bia Sài Gòn Ninh Thuận	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ 106.025.126.902 VNĐ
2	TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	Bên liên quan	Công ty TNHH Bia Sài Gòn Ninh Thuận	Mua dịch vụ 2.055.036.910 VNĐ
3	TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	Bên liên quan	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Phú Lý	Lợi nhuận chuyển về 39.500.000.000 VNĐ



### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao năng lực quản trị, nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động và kiện toàn bộ máy tổ chức. Sabibeco luôn nỗ lực để khắc phục những hạn chế và tận dụng những điểm mạnh trong công tác quản trị, thông qua việc tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật liên quan, bao gồm: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Các thông tư, quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Các văn bản luật có liên quan khác.

# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
đã được kiểm toán

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty: Số 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Văn Thảo Nguyễn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên
Ông Đặng Thái	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Thảo Nguyễn	Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó tổng Giám đốc
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó tổng Giám đốc

#### Ban kiểm soát

Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 32

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**Thay mặt Hội đồng Quản trị**  
**Vân Thanh Liêm**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây, được lập ngày 28/03/2024, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**  
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2837-2024-152-1  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Bích Nguyệt**  
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4817-2023-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.008.964.596.302</b>	<b>1.140.549.627.132</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	252.271.213.535	285.035.534.723
1. Tiền	111		157.209.569.699	119.891.699.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.061.643.836	165.143.835.617
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	110.064.003.941	88.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		110.064.003.941	88.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		317.555.128.469	338.350.892.181
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	352.461.803.813	334.611.236.245
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.486.265.780	7.281.459.922
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.826.809.983	2.508.031.506
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(48.219.751.107)	(6.049.835.492)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	327.381.648.658	426.836.361.194
1. Hàng tồn kho	141		327.381.648.658	426.836.361.194
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.692.601.699	2.326.839.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	677.389.264	1.288.343.799
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.015.212.435	1.038.495.235
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.682.288.417.585</b>	<b>1.896.585.549.471</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.170.440.000	9.190.440.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	9.000.000.000	9.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	170.440.000	190.440.000
II. Tài sản cố định	220		1.241.864.218.680	1.446.290.334.494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.175.153.342.749	1.377.517.615.470
- Nguyên giá	222		3.890.633.472.178	3.881.178.285.432
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.715.480.129.429)	(2.503.660.669.962)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	66.710.875.931	68.772.719.024
- Nguyên giá	228		89.074.087.377	89.074.087.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.363.211.446)	(20.301.368.353)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.431.962.560	12.331.221.820
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	12.431.962.560	12.331.221.820
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	345.369.667.994	337.794.754.738
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		324.702.817.994	317.127.904.738
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		73.452.128.351	90.978.798.419
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	52.247.202.816	68.223.034.908
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		21.204.925.535	22.755.763.511
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.691.253.013.887</b>	<b>3.037.135.176.603</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>926.202.149.747</b>	<b>1.076.095.286.094</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		894.310.381.693	1.015.640.293.837
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	77.730.174.581	50.589.736.798
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	21.132.592.270	13.531.966.138
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	354.512.371.686	388.105.571.703
4. Phải trả người lao động	314		12.080.400.574	13.971.060.775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.364.582.040	12.424.868.016
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	47.407.197.114	38.502.468.838
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	367.951.559.392	484.398.321.374
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.131.504.036	14.116.300.195
II. Nợ dài hạn	330		31.891.768.054	60.454.992.257
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	-	44.844.500.846
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.18	31.891.768.054	15.610.491.411
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.765.050.864.140</b>	<b>1.961.039.890.509</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.765.050.864.140	1.961.039.890.509
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
3. Vốn khác của chủ sở hữu (phụ trội hợp nhất)	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		498.645.305.720	498.645.305.720
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.620.258.007	201.609.284.376
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		157.847.016.376	205.077.650.207
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.691.253.013.887</b>	<b>3.037.135.176.603</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Vấn Thanh Liêm

Ngày 28 tháng 3 năm 2024





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.020.187.383.885	2.356.649.630.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.020.187.383.885	2.356.649.630.913
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.011.958.362.220	2.175.700.923.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.229.021.665	180.948.707.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.543.260.978	13.630.639.509
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.656.327.044	43.864.939.651
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.554.365.627	42.136.836.318
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		7.574.913.256	(27.895.280.206)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	35.681.877.966	64.768.536.239
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	90.424.237.114	48.462.676.065
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(133.415.246.225)	9.587.914.991
12. Thu nhập khác	31	VI.7	284.623.260	2.175.198.177
13. Chi phí khác	32	VI.8	78.147.937	755.156.476
14. Lợi nhuận khác	40		206.475.323	1.420.041.701
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(133.208.770.902)	11.007.956.692
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.736.710.824	9.917.278.474
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	16.281.276.643	4.559.044.049
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.11	(1.739)	(40)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(133.208.770.902)	11.007.956.692
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	217.150.040.340	233.435.945.560
- Các khoản dự phòng	03	42.169.915.615	3.513.206.592
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(368.476.116)	(104.511.846)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.752.983.800)	14.623.762.764
- Chi phí lãi vay	06	40.554.365.627	42.136.836.318
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	142.544.090.764	304.613.196.080
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.631.015.488)	21.783.579.149
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	101.005.550.512	(119.540.659.728)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.973.707.550	(73.209.972.258)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	16.586.786.627	(2.964.619.659)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(42.746.093.390)	(43.253.274.009)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.652.714.114)	(13.665.403.273)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.984.796.159)	(9.645.392.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>192.095.516.302</b>	<b>64.117.454.276</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(13.648.815.286)	(10.651.186.732)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	918.181.818	1.059.683.165
3. Tiền chi cho vay	23	(143.584.551.887)	(60.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	121.520.547.946	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	15.384.185.131	13.054.446.735
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(19.410.452.278)</b>	<b>(56.537.056.832)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	814.736.338.341	698.717.788.016
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(976.027.601.169)	(755.453.393.293)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.526.598.500)	(41.555.230.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(205.817.861.328)</b>	<b>(98.290.835.777)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(33.132.797.304)</b>	<b>(90.710.438.333)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	285.035.534.723	375.641.461.210
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	368.476.116	104.511.846
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>252.271.213.535</b>	<b>285.035.534.723</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Vân Thanh Liêm

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Vân Thanh Liêm

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn – Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 304 người (tại ngày 31/12/2022 là 311 người).

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất sau:

#### Công ty con

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn – Bình Tây	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng; ...	200.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Sản xuất các loại bia	193.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý	Sản xuất các loại bia	164.383.000.000	100%	100%

#### Công ty liên kết

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bao Bì Sài Gòn	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì; ...	560.892.510.000	38,96%	38,96%
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	Sản xuất các loại bia	198.000.000.000	20,20%	20,20%

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Bình Dương	Khu CN Tân Đông Hiệp B, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Hoàng Quỳnh	Khu CN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Đồng Tháp	Khu CN Trần Quốc Toản, Phường 11, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### 5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 6. Nguyên tắc kế toán phải thu về cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	05 - 07 năm
- Tài sản khác	05 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	07 năm
- Quyền sử dụng đất	41 - 49 năm

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**19. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**21. Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Hội đồng quản trị đánh giá là hợp lý.

**22. Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cũng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất).

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.717.272.182	1.745.972.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	155.492.297.517	118.145.726.266
Các khoản tương đương tiền (*)	95.061.643.836	165.143.835.617
<b>Cộng</b>	<b>252.271.213.535</b>	<b>285.035.534.723</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 2,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5%/năm).

**2. Đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	110.064.003.941	88.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>110.064.003.941</b>	<b>88.000.000.000</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu 6 tháng và hưởng lãi suất 4,7%/ năm đến 5,2%/năm (tại ngày 31/12/2022 là từ 3,7%/năm đến 7,1%/năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Đầu tư tài chính ( tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

		31/12/2023		01/01/2023		
	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bi Sài Gòn	38,96%	21.850.000	283.429.328.168	38,96%	21.850.000	276.346.227.780
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	4.000.000	41.273.489.826	20,20%	4.000.000	40.781.676.958
<b>Cộng</b>			<b>324.702.817.994</b>			<b>317.127.904.738</b>

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2023		01/01/2023				
	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Kinh doanh Lương thực thực phẩm Trường Sa	100.000	1.500.000.000	(*) (1.500.000.000)	(*) (1.500.000.000)	100.000	1.500.000.000	(*) (1.500.000.000)	(*) (1.500.000.000)
Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội	900.018	9.000.180.000	17.550.351.000	-	900.018	9.000.180.000	26.100.522.000	-
Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	1.166.667	11.666.670.000	29.750.008.500	-	1.166.667	11.666.670.000	32.900.009.400	-
<b>Cộng</b>		<b>22.166.850.000</b>	<b>(1.500.000.000)</b>		<b>22.166.850.000</b>	<b>(1.500.000.000)</b>		

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	<b>96.779.043.498</b>	<b>71.791.996.104</b>
Bên thứ ba	<b>255.682.760.315</b>	<b>262.819.240.141</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	23.389.695.764	24.365.621.264
Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Bita Miền Bắc	-	18.166.763.289
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Saco Đại Thành	-	10.761.254.091
Phải thu khách hàng khác (*)	232.309.564.551	209.525.601.497
<b>Cộng</b>	<b>352.461.803.813</b>	<b>334.611.236.245</b>

(\*) Không có khách hàng nào có số dư chiếm trên 10% tổng số dư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.6, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	<b>1.768.804.620</b>	<b>4.351.431.332</b>
Bên thứ ba	<b>9.717.461.160</b>	<b>2.930.028.590</b>
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	4.507.035.142	-
Công ty Cổ phần Bia và NGK Quốc Tế	1.340.400.000	-
Công ty TNHH TM và DV PCCC Thuận Trần	990.949.200	-
Công ty KHS Asia	230.663.690	1.778.140.586
Trả trước ngắn hạn khác (*)	2.648.413.128	1.151.888.004
<b>Cộng</b>	<b>11.486.265.780</b>	<b>7.281.459.922</b>

(\*) Không có người bán ngắn hạn nào có số dư chiếm trên 10% tổng số dư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.6, không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Phải thu khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	<b>1.826.809.983</b>	<b>2.508.031.506</b>
Phải thu về tiền cổ tức	900.018.000	-
Tạm ứng	356.000.000	670.551.636
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	247.945.205	448.109.590
Phải thu về BHXH	84.217.616	73.556.846
Phải thu khác	238.629.162	1.315.813.434
Phải thu dài hạn khác	<b>170.440.000</b>	<b>190.440.000</b>
Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	170.440.000	190.440.000
<b>Cộng</b>	<b>1.997.249.983</b>	<b>2.698.471.506</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.6, không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

E. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2023		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Dự phòng VND	Nợ gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP TM Sagota Bita Hải Dương	5.088.183.405	(5.088.183.405)	5.088.183.405	-
Các đối tượng khác	43.131.567.702	(43.131.567.702)	43.131.567.702	(6.049.835.492)
<b>Cộng</b>	<b>48.219.751.107</b>	<b>(48.219.751.107)</b>	<b>48.219.751.107</b>	<b>(6.049.835.492)</b>

7. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	130.818.313.955	-	165.331.011.774	-
Công cụ, dụng cụ	11.229.947.927	-	12.137.522.742	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	73.470.200.531	-	83.521.829.853	-
Thành phẩm	82.173.696.854	-	161.833.403.091	-
Hàng hóa	1.742.369.320	-	994.631.940	-
Hàng gửi đi bán	27.947.120.071	-	3.017.961.794	-
<b>Cộng</b>	<b>327.381.648.658</b>	<b>-</b>	<b>426.836.361.194</b>	<b>-</b>

8. Chi phí trả trước	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
Chi phí trả trước ngắn hạn	677.389.264	1.288.343.799		
Chi phí bảo hiểm	506.471.595	991.479.350		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.917.669	296.864.449		
Chi phí trả trước dài hạn	52.247.202.816	68.223.034.908		
Bao bì luân chuyển (*)	13.613.509.701	28.607.447.644		
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.814.739.442	4.629.575.465		
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.717.138.060	858.880.438		
Tiền thuê đất (**)	33.101.815.613	34.127.131.361		
<b>Cộng</b>	<b>52.924.592.080</b>	<b>69.511.378.707</b>		

(\*) Bao bì luân chuyển gồm Chai nâu lager và Kết nhựa được phân bổ trong thời hạn 36 tháng.

(\*\*) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004), giá trị còn phân bổ là 12.772.437.426 đồng. Tiền thuê đất tại Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018), giá trị còn phân bổ là 20.329.378.187 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9. Táng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá	839.362.555.381	2.978.356.131.040	57.351.468.878	3.841.330.437	2.266.799.696	3.881.178.285.432
Số dư đầu năm	452.343.636	968.640.000	12.036.690.910	90.400.000	-	13.548.074.546
Số tăng trong năm	452.343.636	968.640.000	12.036.690.910	90.400.000	-	13.548.074.546
- Mua trong năm	-	-	4.092.887.800	-	-	4.092.887.800
Số giảm trong năm	-	-	4.092.887.800	-	-	4.092.887.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.092.887.800	-	-	4.092.887.800
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>839.814.899.017</b>	<b>2.979.324.771.040</b>	<b>65.295.271.988</b>	<b>3.931.730.437</b>	<b>2.266.799.696</b>	<b>3.890.633.472.178</b>
Giá trị hao mòn lũy kế	391.463.596.511	2.067.252.560.674	38.991.763.594	3.685.949.497	2.266.799.696	2.503.660.669.962
Số dư đầu năm	51.622.998.020	159.158.600.841	4.320.891.436	33.601.778	-	215.136.092.075
Số tăng trong năm	51.574.969.854	159.158.734.174	4.320.891.441	33.601.778	-	215.088.197.247
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	48.028.166
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	3.316.765.946	-	-	3.316.765.946
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.268.737.780	-	-	3.268.737.780
- Phân loại lại	-	-	48.028.166	-	-	48.028.166
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>443.086.594.531</b>	<b>2.226.411.294.848</b>	<b>39.995.889.079</b>	<b>3.719.551.275</b>	<b>2.266.799.696</b>	<b>2.715.480.129.429</b>
Giá trị còn lại	447.898.959.870	911.103.570.366	18.359.705.294	155.380.940	-	1.377.517.615.470
Tại ngày đầu năm	396.728.304.486	752.913.476.192	25.299.382.909	212.179.162	-	1.175.153.342.749
Tại ngày cuối năm						

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

31/12/2023 01/01/2023

858.967.199.745 968.295.813.786  
1.225.431.993.997 1.115.973.006.510

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	87.114.712.377	1.959.375.000	89.074.087.377
Số tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	87.114.712.377	1.959.375.000	89.074.087.377
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.903.480.862	1.397.887.491	20.301.368.353
Khấu hao trong năm	1.760.561.832	301.281.261	2.061.843.093
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	20.664.042.694	1.699.168.752	22.363.211.446
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	68.211.231.515	561.487.509	68.772.719.024
Tại ngày cuối năm	66.450.669.683	260.206.248	66.710.875.931

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	241.000.000	241.000.000

11. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Một thành viên Lê Tuấn Vinh (*)	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>

(\*) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Lê Tuấn Vinh vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2021/HĐVT ngày 17/03/2021. Lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn vay từ ngày 17/03/2021 đến ngày 17/03/2026.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án nhà máy Bia Sagota	9.870.933.820	9.870.933.820
Máy chiết lon	2.136.731.000	2.320.706.000
Các dự án khác	424.297.740	139.582.000
<b>Cộng</b>	<b>12.431.962.560</b>	<b>12.331.221.820</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	48.969.641.095	33.268.752.845
Bên thứ ba	28.760.533.140	17.320.983.953
Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Đầu tư HMG	7.186.757.968	-
Các đối tượng khác (*)	21.573.775.518	-
<b>Cộng</b>	<b>77.730.174.581</b>	<b>50.589.736.798</b>

(\*) Không có đối tượng nào có số dư nợ chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty Metro J Trading (tương đương 292.080 USD)	4.837.302.300	6.951.960.000
Trade Beer Sole Co., Ltd (tương đương 130.678 USD)	13.879.062.110	3.027.340.040
Người mua trả tiền trước khác	2.416.227.860	3.552.666.098
<b>Cộng</b>	<b>21.132.592.270</b>	<b>13.531.966.138</b>

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

Phải nộp	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cần trừ trong năm	31/12/2023
	VND			VND
Thuế giá trị gia tăng	72.822.329.123	193.617.815.480	167.949.536.896	98.490.607.707
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	238.036.517	238.036.517	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	307.645.332.651	1.616.374.123.395	1.669.937.547.559	254.081.908.487
Thuế xuất, nhập khẩu	-	51.316.639	51.316.639	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.063.278.474	2.736.710.824	3.652.714.114	1.147.275.184
Thuế thu nhập cá nhân	378.779.425	4.140.972.143	3.733.406.140	786.345.428
Thuế tài nguyên	5.195.852.030	57.836.330	5.247.453.480	6.234.880
Các loại thuế khác	-	4.243.781.728	4.243.781.728	-
<b>Cộng</b>	<b>388.105.571.703</b>	<b>1.821.460.593.056</b>	<b>1.855.053.793.073</b>	<b>354.512.371.686</b>
Phải thu	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND			VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.554.846	-	-	1.006.554.846
Thuế thu nhập cá nhân	31.940.389	323.880.857	300.598.057	8.657.589
<b>Cộng</b>	<b>1.038.495.235</b>	<b>323.880.857</b>	<b>300.598.057</b>	<b>1.015.212.435</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

16. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	5.909.657.534	8.065.261.660
Bên thứ ba	1.454.924.506	4.359.606.356
Chi phí lãi vay phải trả	267.828.565	859.131.670
Chi phí phải trả khác	1.187.095.941	3.500.474.686
<b>Cộng</b>	<b>7.364.582.040</b>	<b>12.424.868.016</b>

17. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	-	3.121.089.249
Bên thứ ba	47.407.197.114	35.381.379.589
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.442.052.935	1.875.561.845
Cổ tức phải trả	1.542.719.000	3.207.067.500
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	42.909.782.816	30.023.599.817
Các khoản phải trả, phải nộp khác	612.624.363	275.150.427
<b>Cộng</b>	<b>47.407.197.114</b>	<b>38.502.468.838</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	31.891.768.054	15.610.491.411
<b>Cộng</b>	<b>31.891.768.054</b>	<b>15.610.491.411</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**19. Vay và nợ thuê tài chính**

Vay ngắn hạn Bên liên quan	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn (a)	484.398.321.374	844.600.839.187	961.047.601.169	367.951.559.392
Bên thứ ba	95.000.000.000	-	75.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (b)	119.932.921.105	357.200.316.402	175.854.165.658	301.279.071.849
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	96.511.141.392	168.686.070.406	265.197.211.798	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (c)	95.034.258.877	288.849.951.533	367.076.223.713	16.807.986.697
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng đến hạn trả (d)	77.920.000.000	29.864.500.846	77.920.000.000	29.864.500.846
Vay dài hạn	44.844.500.846	-	44.844.500.846	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (d)	44.844.500.846	-	44.844.500.846	-
<b>Cộng</b>	<b>529.242.822.220</b>	<b>844.600.839.187</b>	<b>1.005.892.102.015</b>	<b>367.951.559.392</b>

(a) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn theo Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 ngày 10/10/2019 và hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo. Lãi suất vay là 6,5%/năm. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Đây là khoản vay tín chấp. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 20.000.000.000 đồng.

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo các hợp đồng cho vay:

- Hợp đồng số 01/CV-0020/KH-DN/23 ngày 30/10/2023 với hạn mức tín dụng cho vay không vượt quá 250.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và được đảm bảo bằng thế chấp toàn bộ máy móc, thiết bị tại nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh và thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án nhà máy bia Sài Gòn - Đồng Tháp và thế chấp Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu với giá trị tối thiểu 100% dư nợ tín dụng ngắn hạn. Dư nợ gốc vay khoản vay này tại ngày 31/12/2023 là 200.203.085.186 đồng.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0012/KH-DN/19 ngày 27/12/2021 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0012/KH-DN/19 ngày 23/08/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/SEBS-0012/KH-DN/19 ngày 27/12/2021. Hạn mức cho vay là 120 tỷ đồng. Thời hạn vay tối đa 06 tháng cho từng khoản nợ vay. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Số dư nợ gốc khoản vay này tại 31/12/2023 là 101.075.986.663 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản.

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.23.15 ngày 29/03/2023. Hạn mức tín dụng cho vay là 120 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và công trình trên đất: 23.120.8 m<sup>2</sup> tại A73M và A73AM đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; lô đất số A82M-A83M-A84M, đường số 8 KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và Dãy chuyển máy móc thiết bị của công ty tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh trừ dãy chuyển chiết chai (trị giá 96.962.000.000 đồng). Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 16.807.986.697 đồng.

(đ) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0037/KHĐN/17ĐH ngày 05/06/2017. Thời hạn vay 84 tháng. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Trong 12 tháng kể từ ngày Giải ngân vốn vay lần đầu, lãi suất cho vay cố định là 7,5%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm tiền VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng công bố trong từng thời điểm cộng với biên độ cố định 1,5%/năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 29.864.500.846 đồng (trong đó Vay dài hạn trả là 29.864.500.846 đồng).

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	205.077.650.207	1.964.508.256.340
Lỗ trong năm trước					(3.468.365.831)	(3.468.365.831)
Số dư cuối năm trước	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	201.609.284.376	1.961.039.890.509
Số dư đầu năm nay	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	201.609.284.376	1.961.039.890.509
Lỗ trong năm nay					(152.226.758.369)	(152.226.758.369)
Chia cổ tức trong kỳ					(43.762.268.000)	(43.762.268.000)
Số dư cuối năm nay	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	5.620.364.678	1.765.050.970.811

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	143.723.000.000	16,42	143.723.000.000	16,42
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	55.200.000.000	6,31	55.200.000.000	6,31
Vốn góp của cổ đông khác	676.322.360.000	77,27	676.322.360.000	77,27
<b>Cộng</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>100</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>100</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay		Năm trước	
	VND		VND	
Vốn góp của chủ sở hữu				
Vốn góp đầu năm	875.245.360.000		875.245.360.000	
Vốn góp tăng trong năm	-		-	
Vốn góp giảm trong năm	-		-	
Vốn góp cuối năm	875.245.360.000		875.245.360.000	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	43.762.268.000		-	

d) Cổ phiếu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Cổ phiếu		Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.524.536		87.524.536	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.524.536		87.524.536	
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536		87.524.536	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-		-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536		87.524.536	
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536		87.524.536	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng				

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2023		01/01/2023	
Ngoại tệ các loại ( USD )	690.264,05		593.996,85	
Nợ khó đòi đã xử lý	4.719.377.015		3.632.047.000	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay		Năm trước	
	VND		VND	
Doanh thu bán hàng hóa	64.260.068.001		157.453.094.070	
Doanh thu bán thành phẩm	1.929.526.139.065		2.176.938.673.495	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.072.658.051		18.070.664.232	
Doanh thu khác	9.328.518.768		4.187.199.116	
<b>Cộng</b>	<b>2.020.187.383.885</b>		<b>2.356.649.630.913</b>	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	49.914.371.446	130.982.487.829
Giá vốn bán thành phẩm	1.946.313.178.750	2.028.149.676.615
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	13.948.163.782	16.242.573.471
Giá vốn khác	1.782.648.242	326.185.355
<b>Cộng</b>	<b>2.011.958.362.220</b>	<b>2.175.700.923.270</b>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.534.002.246	7.021.341.674
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.650.036.500	5.616.721.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.459.222.232	992.576.335
<b>Cộng</b>	<b>17.543.260.978</b>	<b>13.630.639.509</b>

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	40.554.365.627	42.136.836.318
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	1.500.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	101.961.417	223.936.933
Chi phí tài chính khác	-	4.166.400
<b>Cộng</b>	<b>40.656.327.044</b>	<b>43.864.939.651</b>

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	16.166.242.934	25.002.087.770
Chi phí cho nhân viên	9.956.410.453	18.523.004.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	286.885.443	286.346.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.847.645.782	3.672.135.965
Chi phí bằng tiền khác	4.424.693.354	16.284.962.222
<b>Cộng</b>	<b>35.681.877.966</b>	<b>64.768.536.239</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	91.475.592	70.895.549
Chi phí cho nhân viên	27.563.438.786	27.448.757.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.903.872.502	8.636.344.255
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	43.033.961.746	2.013.206.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.193.511.480	5.986.293.184
Chi phí bằng tiền khác	5.637.977.008	4.307.179.093
<b>Cộng</b>	<b>90.424.237.114</b>	<b>48.462.676.065</b>

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	633.454.268
Thu từ xuất trả hàng	94.031.798	-
Thu nhập khác	190.591.462	1.541.743.909
<b>Cộng</b>	<b>284.623.260</b>	<b>2.175.198.177</b>

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	76.095.480	19.775.437
Chi phí khác	2.052.457	735.381.039
<b>Cộng</b>	<b>78.147.937</b>	<b>755.156.476</b>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.736.710.824	9.917.278.474
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.736.710.824</b>	<b>9.917.278.474</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	(81.406.383.213)	(22.795.220.247)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(16.281.276.643)</b>	<b>(4.559.044.049)</b>

**10. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	87.524.536	87.524.536
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.739)</b>	<b>(40)</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.539.856.253.777	1.802.419.761.805
Chi phí nhân công	103.049.796.317	113.738.247.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.150.040.340	233.435.945.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.041.419.982	110.444.311.088
Chi phí khác bằng tiền	56.009.379.914	30.562.230.787
<b>Cộng</b>	<b>2.019.106.890.330</b>	<b>2.290.600.496.641</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	814.736.338.341	698.717.788.016

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(986.027.601.169)	(755.453.393.293)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thủ lao Thành viên HĐQT</b>		
Ông Văn Thanh Liêm Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Văn Thảo Nguyễn Phó Chủ tịch	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đinh Văn Thuận Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đinh Quang Hải Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đặng Thái Thành viên	72.000.000	72.000.000

**Thủ lao Thành viên Ban Kiểm soát**

Ông Văn Bá Nam Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hòa Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Bùi Thị Thái Hà Thành viên	30.000.000	30.000.000

**Lương, thưởng và khoản phúc lợi khác**

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Văn Thảo Nguyễn Phó Tổng Giám đốc	1.080.000.000	1.040.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng Phó Tổng Giám đốc	877.500.000	845.000.000
Bà Văn Bảo Ngọc Phó Tổng Giám đốc	325.000.000	-

**Những người quản lý khác**

	8.302.500.000	6.233.678.927
--	---------------	---------------

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ		
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan		
Bên liên quan		Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.644.603.675.403</b>	<b>1.737.316.023.473</b>
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn		1.644.603.675.403	1.737.316.023.473
<b>Mua hàng hóa, nguyên vật liệu</b>		<b>1.271.310.509.003</b>	<b>1.393.640.622.622</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn		1.166.204.106.579	1.303.852.289.891
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		105.106.402.424	89.788.332.731

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Các giao dịch khác</b>	<b>13.219.141.267</b>	<b>13.364.053.532</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Cổ tức phải trả)	7.186.150.000	7.186.150.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Trích trước chi phí)	-	555.179.468
Công ty Cổ phần Vận Tải & Giao Nhận Bia Sài Gòn (Chi phí lãi vay)	5.909.657.534	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây (Tiền thuê đất và chi phí duy tu cơ sở hạ tầng)	5.736.452.754	5.622.724.064

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>96.779.043.498</b>	<b>71.791.996.104</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	96.762.543.498	71.758.996.104
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	16.500.000	33.000.000
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.768.804.620</b>	<b>4.351.431.332</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.768.804.620	4.351.431.332
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>48.969.641.095</b>	<b>33.268.752.845</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	30.717.686.493	15.831.973.371
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	11.206.665.416	11.972.183.341
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	4.820.000.285	5.464.596.133
Công Ty CP Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	2.225.288.901	-
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>5.909.657.534</b>	<b>8.065.261.660</b>
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn (Chi phí lãi vay phải trả)	5.909.657.534	7.510.082.192
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	555.179.468
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>3.121.089.249</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	3.121.089.249
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn (Chi phí lãi vay)	-	-
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	20.000.000.000	95.000.000.000

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bia nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu tại ngày 01/01/2023 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được Hội đồng Quản trị trình bày lại nhằm phản ánh tình hình tài chính của công ty, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số liệu tại ngày 01/01/2023		
	Số trước trình bày lại	Số sau trình bày lại	Chênh lệch
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>114.429.094.820</b>	<b>90.978.798.419</b>	<b>(23.450.296.401)</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	91.673.331.309	68.223.034.908	(23.450.296.401)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>3.060.585.473.004</b>	<b>3.037.135.176.603</b>	<b>(23.450.296.401)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.984.490.186.910</b>	<b>1.961.039.890.509</b>	<b>(23.450.296.401)</b>
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	225.059.580.777	201.609.284.376	(23.450.296.401)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	228.527.946.608	205.077.650.207	(23.450.296.401)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.060.585.473.004</b>	<b>3.037.135.176.603</b>	<b>(23.450.296.401)</b>

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiếu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Văn Thanh Liêm

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CTCP TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2024

